

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT
NGUYỄN HUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-THCS-THPTNH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ (Lần 3)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN HUỆ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 4480/SGDDĐT-KHTC ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai các nội dung về công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-SGDDĐT ngày 06/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 3);

Căn cứ Quyết định số 3168/QĐ-SGDDĐT ngày 24/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 10).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 3) của Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ

(Kèm theo Mẫu biểu số 74_ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC và Quyết định số 984/QĐ-SGDĐT ngày 06/4/2026; Quyết định số 3168/QĐ-SGDĐT ngày 24/7/2026).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Phó hiệu trưởng, tổ trưởng văn phòng, các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Minh Tuyền

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCS-THPTNH ngày / /2026 của trường THCS và THPT Nguyễn Huệ)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
3	Chi hoạt động kinh tế	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.025.842.951
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.025.842.951
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1.025.842.951
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	(6.157.049)
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.032.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Ngày tháng năm 2026
Hiệu trưởng

Phạm Thị Minh Tuyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 984/QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 3)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Công văn số 180/KTNN-TH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Kiểm toán nhà nước về việc gửi Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2024 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 76/KTNN-TH ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Kiểm toán nhà nước về việc gửi Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 3) của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2025 (niên độ 2024) theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2026 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN Khu vực II (để phối hợp);
- Các Phòng GD - KBNN KV II
nơi đơn vị giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu



ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (LẦN 3)

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Nguyễn Huệ

Mã ĐVQHNS: 1032948

Mã KBNN nơi giao dịch: Phòng giao dịch số 20, KBNN khu vực II (0146)

(Kèm theo Quyết định số 984/QĐ-SGDĐT ngày 06/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

(Công văn số 76/KTNN-TH ngày 25/6/2025 của Kiểm toán nhà nước về việc gửi Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2024 của Tỉnh Bình Dương) - Giảm trừ dự toán theo kiến nghị.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu sự nghiệp	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.157.049
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.157.049
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (Chênh lệch tăng lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng)	6.157.049
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0

Ilus ha

Số: 3168 /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 10)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 10) nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa của 69 trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (danh sách theo phụ lục đính kèm) với tổng số tiền phân bổ là: 97.295.460.988 đồng (Chín mươi bảy tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn chín trăm tám mươi tám đồng chẵn).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi bổ sung ngân sách năm 2026 (lần 10) được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN Khu vực II;
- Các Phòng GD - KBNN KV II nơi đơn vị giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (NKien).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Phát



MINISTRY OF
EDUCATION AND TRAINING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 10)

(Đính kèm quyết định số: 3168/QĐ-SGDDT ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: đồng

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	Trong đó: 10% Tiết kiệm thực hiện CCTL	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	NGUỒN CCTL TẠI ĐƠN VỊ	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ MUA SẢM NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TNTT THEO NQ 27/2025/NQ- HĐND, TỈNH GIẢN BIẾN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ- CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN													
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	5	7	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
		TỔNG CỘNG						-	-						-	-	-			
1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục)	422	070	098			(97.295.460.988)	(97.295.460.988)	-					(97.295.460.988)	(54.009.181.743)	(43.286.279.245)			
		CỘNG						97.295.460.988	97.295.460.988	-	-	-	-	-	97.295.460.988	54.009.181.743	43.286.279.245	-	-	-
1	1044107	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			956.800.000	956.800.000						956.800.000	499.800.000	457.000.000			
2	1015807	Trường THPT Phú Mỹ	422	070	074			1.730.816.000	1.730.816.000						1.730.816.000	1.730.816.000				
3	1080597	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			420.000.000	420.000.000						420.000.000	420.000.000				
4	1052920	Trường THPT Võ Thị Sáu- Côn Đảo	422	070	074			225.000.000	225.000.000						225.000.000	225.000.000				
5	1058491	Trường THPT Nguyễn Khuyến	422	070	074			375.316.000	375.316.000						375.316.000	375.316.000				
6	1015802	Trường THPT Trần Văn Quan	422	070	074			1.500.000.000	1.500.000.000						1.500.000.000	1.500.000.000				
7	1046716	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	422	070	074			486.000.000	486.000.000						486.000.000	486.000.000				
8	1069844	Trường THPT Ten Lơ Man	422	070	074			794.928.000	794.928.000						794.928.000	313.000.000	481.928.000			
9	1126076	Trung tâm GDNN- GDTX Quận 11	422	070	075			1.035.000.000	1.035.000.000						1.035.000.000	1.035.000.000				
10	1017519	Trường THPT Phước Bửu	422	070	074			1.176.000.000	1.176.000.000						1.176.000.000	1.176.000.000				
11	1015804	Trường THPT Xuyên Mộc	422	070	074			2.567.000.000	2.567.000.000						2.567.000.000	2.567.000.000				
12	1004457	Trường THPT Hòa Hội	422	070	074			717.000.000	717.000.000						717.000.000	717.000.000				
13	1104499	Trường THPT Bưng Riềng	422	070	074			1.238.000.000	1.238.000.000						1.238.000.000	1.238.000.000				
14	1015959	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	422	070	074			5.635.000.000	5.635.000.000						5.635.000.000	1.973.000.000	3.662.000.000			
15	1042552	Trường THPT Thanh Đa	422	070	074			882.236.000	882.236.000						882.236.000	383.236.000	499.000.000			
16	1015809	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	422	070	074			2.579.000.000	2.579.000.000						2.579.000.000	2.579.000.000				
17	1080497	Trường THPT Nguyễn Du- Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			2.176.000.000	2.176.000.000						2.176.000.000	2.176.000.000				
18	1086748	Trường Chuyên biệt Càn Thạnh	422	070	072			118.500.000	118.500.000						118.500.000	118.500.000				
19	1126687	Trung Tâm GDNN - GDTX Tân Uyên	422	070	075			150.000.000	150.000.000						150.000.000	150.000.000				
20	1126586	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Nhà Bè	422	070	075			81.105.000	81.105.000						81.105.000	81.105.000				
21	1126616	Trung Tâm GDNN - GDTX Phú Giáo	422	070	075			289.764.000	289.764.000						289.764.000	289.764.000				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	<i>Trong đó: 10% Tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	CHI CHÉNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	NGUỒN CCTL TẠI ĐƠN VỊ	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ MUA SẮM NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TN TT THEO NQ 27/2025/NQ- HĐND, TÍNH GIẢN BIẾN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ- CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN													
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	5	7	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
22	1133676	Trung Tâm GDNN - GDTX Bàu Bàng	422	070	075			1.523.720.000	1.523.720.000						1.523.720.000	1.523.720.000				
23	1126673	Trung Tâm GDNN - GDTX Bến Cát	422	070	075			449.937.000	449.937.000						449.937.000	449.937.000				
24	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074			486.000.000	486.000.000						486.000.000	486.000.000				
25	1065497	Trường THPT Thường Tân	422	070	074			491.310.000	491.310.000						491.310.000	491.310.000				
26	1084068	Trường THPT Bàu Bàng	422	070	074			488.000.000	488.000.000						488.000.000	488.000.000				
27	1035494	Trường THPT Bình Khánh	422	070	074			364.334.000	364.334.000						364.334.000	364.334.000				
28	1104505	Trường THPT Phước Kiến	422	070	074			450.000.000	450.000.000						450.000.000	450.000.000				
29	1126654	Trung Tâm GDNN - GDTX Thuận An	422	070	075			4.564.885.234	4.564.885.234						4.564.885.234	4.564.885.234				
30	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074			1.368.000.000	1.368.000.000						1.368.000.000	1.368.000.000				
31	1085127	Trường THPT Trần Văn Ơn	422	070	074			1.380.000.000	1.380.000.000						1.380.000.000	1.380.000.000				
32	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074			3.332.046.200	3.332.046.200						3.332.046.200	937.046.200	2.395.000.000			
33	1084073	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074			1.549.981.200	1.549.981.200						1.549.981.200	1.549.981.200				
34	1120440	Trường THPT Phước Hoà	422	070	074			3.105.439.109	3.105.439.109						3.105.439.109	3.105.439.109				
35	1032948	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ	422	070	074			1.032.000.000	1.032.000.000						1.032.000.000	1.032.000.000				
36	1065495	Trường THCS và THPT Tây Sơn	422	070	074			19.914.315.000	19.914.315.000						19.914.315.000	6.914.315.000	13.000.000.000			
37	1122151	Trường THPT Long Hòa	422	070	074			747.650.000	747.650.000						747.650.000	747.650.000				
38	1085119	Trường THPT Thanh Tuyền	422	070	074			1.310.000.000	1.310.000.000						1.310.000.000	1.310.000.000				
39	1037383	Trường THPT Trần Hưng Đạo	422	070	074			983.000.000	983.000.000						983.000.000	485.000.000	498.000.000			
40	1126539	Trung tâm GDNN- GDTX Quận Tân Bình	422	070	075			127.500.000	127.500.000						127.500.000	127.500.000				
41	1038803	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng quận Gò Vấp	422	070	072			596.613.581	596.613.581						596.613.581	115.500.000	481.113.581			
42	1114361	Trường THPT Trần Văn Giàu	422	070	074			467.803.000	467.803.000						467.803.000	467.803.000				
43	1046616	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	422	070	074			300.000.000	300.000.000						300.000.000	300.000.000				
44	1060563	Trường THPT Phan Đặng Lưu	422	070	074			5.432.000.000	5.432.000.000						5.432.000.000	5.145.000.000	287.000.000			
45	1058527	Trường THPT An Lạc	422	070	074			172.224.000	172.224.000						172.224.000	172.224.000				
46	1004460	Trường THPT Trần Phú - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			6.014.000.000	6.014.000.000						6.014.000.000		6.014.000.000			
47	1080602	Trường THPT Trần Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074			5.500.000.000	5.500.000.000						5.500.000.000		5.500.000.000			
48	1008124	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	422	070	074			495.218.000	495.218.000						495.218.000		495.218.000			

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	<i>Trong đó: 10% Tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	CHI CHÉNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	NGUỒN CCTL TẠI ĐƠN VỊ	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ MUA SẮM NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TNHH THEO NQ 27/2025/NQ- HĐND, TỈNH GIÁN BIÊN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ- CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN													
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	5	7	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
49	1129175	Trường THPT Hồ Thị Bi	422	070	074			496.000.000	496.000.000						496.000.000		496.000.000			
50	1014727	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422	070	074			498.000.000	498.000.000						498.000.000		498.000.000			
51	1046617	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	422	070	074			498.000.000	498.000.000						498.000.000		498.000.000			
52	1114460	Trường THPT Phạm Văn Sáng	422	070	074			495.000.000	495.000.000						495.000.000		495.000.000			
53	1040082	Trường THPT Nguyễn An Ninh	422	070	074			496.000.000	496.000.000						496.000.000		496.000.000			
54	1038766	Trường THPT Trường Chinh	422	070	074			495.000.000	495.000.000						495.000.000		495.000.000			
55	1069842	Trường THPT Gò Vấp	422	070	074			495.000.000	495.000.000						495.000.000		495.000.000			
56	1087510	Trường THPT Trần Quang Khải - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			418.000.000	418.000.000						418.000.000		418.000.000			
57	1068661	Trường THPT Trần Khai Nguyễn	422	070	074			499.342.000	499.342.000						499.342.000		499.342.000			
58	1001956	Trường THPT Ngô Quyền	422	070	074			499.000.000	499.000.000						499.000.000		499.000.000			
59	1040014	Trường THPT Ngô Gia Tự	422	070	074			496.965.000	496.965.000						496.965.000		496.965.000			
60	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074			453.000.000	453.000.000						453.000.000		453.000.000			
61	1076008	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Nguyễn Thị Định	422	070	074			496.252.000	496.252.000						496.252.000		496.252.000			
62	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074			146.828.700	146.828.700						146.828.700		146.828.700			
63	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074			105.000.000	105.000.000						105.000.000		105.000.000			
64	1067145	Trường THPT Lê Lợi	422	070	074			498.121.273	498.121.273						498.121.273		498.121.273			
65	1038348	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	422	070	092			495.000.000	495.000.000						495.000.000		495.000.000			
66	1042683	Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074			495.000.000	495.000.000						495.000.000		495.000.000			
67	1014287	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật Bà Rịa	422	070	072			456.405.768	456.405.768						456.405.768		456.405.768			
68	1E+06	Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp	422	070	092			489.093.923	489.093.923						489.093.923		489.093.923			
69	1014326	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422	070	075			495.011.000	495.011.000						495.011.000		495.011.000			